

ĐƠN VỊ: PHÒNG QUẢN LÝ HUYỆN ĐIỆN BIÊN
BỘ PHẬN: TRƯỞNG THỨC XÃ THANH GIẢN

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 03/2025

ST T	Họ và tên	Mức 6000		Mức 6100										Để			Các khoản thu			Tổng lương	S S ố đ ó n g h à i	10,5% LC	10,5% LC	10,5% TN, VK	Tổng lương
		Hệ số	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	PC khác		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền						
				Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
1	Trần Tuấn Đạt	5,36	12.542.400	0,35	819.000	1.170.000					4.676.490	24%	3.206.736	4.008.420	26.423.046			1.316.952	85.995	336.707	24.683.392				
2	Nguyễn Thị Phương	5,70	13.338.000		0	1.170.000				0	4.668.300	32%	4.268.160	4.001.400	27.445.860			1.400.490	0	448.157	25.597.213				
3	Nguyễn Việt Anh	5,36	12.542.400	0,20	468.000	1.170.000				0	4.553.640	28%	3.642.912	3.903.120	26.280.072			1.316.952	49.140	382.506	24.531.474				
4	Trịnh Thị Hào	5,70	13.338.000		0	1.170.000				0	4.668.300	29%	3.868.020	4.001.400	27.045.720			1.400.490	0	406.142	25.239.088				
5	Dương Minh Hòa	5,36	12.542.400		0	1.170.000				0	4.389.840	28%	3.511.872	3.762.720	25.376.832			1.316.952	0	368.747	23.691.133				
6	Bùi Thị Phương	5,02	11.746.800		0	1.170.000					4.111.380	23%	2.701.764	3.524.040	23.253.984			1.233.414	0	283.685	21.736.885				
7	Lê Mai Hương	4,68	10.951.200		0	1.170.000					3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882				
8	Quảng Thị Phương	4,68	10.951.200		0	1.170.000					3.832.920	20%	2.190.240	3.285.360	21.429.720			1.149.876	0	229.975	20.049.869				
9	Phạm Nguyễn Nga	5,02	11.746.800	0,15	351.000	1.170.000					4.234.230	21%	2.540.538	3.629.340	23.671.908			1.233.414	36.855	266.756	22.134.883				
10	Hoàng Thị Hà	4,68	10.951.200		0	1.170.000					3.832.920	20%	2.190.240	3.285.360	21.429.720			1.149.876	0	229.975	20.049.869				
11	Trần Thị Thoa	4,68	10.951.200		0	1.170.000					3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882				
12	Lê Thị Hồng	5,02	11.746.800	0,25	585.000	1.170.000					4.316.130	21%	2.589.678	3.699.540	24.107.148			1.233.414	61.425	271.916	22.540.393				
13	Đào Thị Phương	4,34	10.155.600		0	1.170.000	0,2	468.000			3.554.460	18%	1.828.008	3.046.680	20.222.748			1.066.338	0	191.941	18.964.469				
14	Đặng Quang Trường	4,68	10.951.200	0,20	468.000	1.170.000					3.996.720	21%	2.398.032	3.425.760	22.409.712			1.149.876	49.140	251.793	20.958.903				
15	Nguyễn Hồng Diễm	5,02	11.746.800		0	1.170.000					4.111.380	20%	2.349.360	3.524.040	22.901.580			1.233.414	0	246.683	21.421.483				
16	Trần Đức Minh	4,34	10.155.600		0	1.170.000					3.554.460	19%	1.929.564	3.046.680	19.856.304			1.066.338	0	202.604	18.587.362				
17	Nguyễn Văn Hân	4,34	10.155.600		0	1.170.000					3.554.460	20%	2.031.120	3.046.680	19.957.860			1.066.338	0	213.268	18.678.254				
18	Lương T Thu Hạnh	4,68	10.951.200		0	1.170.000					3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882				
19	Nguyễn Thị Mai	4,34	10.155.600		0	1.170.000					3.554.460	18%	1.828.008	3.046.680	19.754.748			1.066.338	0	191.941	18.496.469				

